

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BOSS'T GROUP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BOSS'T GROUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BOSS'T GROUP VIET NAM SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BOSS'T GROUP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109316410

**3. Ngày thành lập:** 20/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, số 3, dãy 10 Tiểu khu Evelyne Gardens, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn Parkcity Hà Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                   | 1010     |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                           | 1020     |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                      | 1030     |
| 4.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                   | 1040     |
| 5.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                               | 1050     |
| 6.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                      | 1074     |
| 7.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                             | 1075     |
| 8.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                    | 1410     |
| 9.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                              | 1430     |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                               | 4610     |
| 11. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm) | 4620     |
| 12. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                    | 4631     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng<br>Bán buôn thực phẩm khác                                                                                                                                         | 4632(Chính) |
| 14. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn thuốc<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                           | 4649        |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659        |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690        |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4711        |
| 20. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                                                                                                                                                                            | 4719        |
| 21. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4721        |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4722        |
| 23. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4723        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4751 |
| 25. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4753 |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 27. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4771 |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4772 |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ Bán lẻ tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4773 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VĂN THUẦN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/07/1998*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *036098004348*

Ngày cấp: *23/02/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 30, Xã Hải Minh, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 30, Xã Hải Minh, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội